TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH-** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **17**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21/02/2025
Về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH- TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu Hương**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Kiện**
2. Ông **Nguyễn Thành Thái**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Danh Lý Khang**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Nam**- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 375/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXX-ST, ngày 02 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 23/01/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Ngô Thị Kim M**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 8, ấp Tân Đ, xã G, huyện C, tỉnh K.

2. Bị đơn: Anh **Trần Thanh T**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ 8, ấp Tân Đ, xã G, huyện C, tỉnh K.

(Tại phiên tòa, chị M có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2024 của chị Ngô Thị Kim M, bản tự khai của chị Ngô Thị Kim M, nội dung biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 31/12/2024, hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung như sau:

** Chị Ngô Thị Kim M trình bày:*

Vào năm 2011, sau thời gian tự nguyện tìm hiểu, tôi cùng anh Trần Thanh T đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Giục Tượng, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang cùng vào năm 2011 và đã được UBND xã Giục Tượng cấp giấy chứng nhận kết hôn.

Trong quá trình chung sống, chúng tôi có 02 (hai) người con chung là cháu Trần Thiên Tuấn, sinh ngày 08/11/2012 và cháu Trần Nhật Minh, sinh ngày

26/01/2016, hiện nay tôi đang trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con; không có tài sản chung; không có nợ chung. Thời gian đầu chung sống vợ chồng thì chúng tôi hạnh phúc, nhưng sau đó thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn về nhiều mặt nên tuy còn chung sống một nhà nhưng chúng tôi đã ly thân hơn sáu tháng nay.

Anh Trần Thanh T làm giáo viên dạy thể dục tại trường THCS Mong Thọ B với lương thực nhận là 14.000.000 đồng/tháng; tôi dạy môn toán tại trường THCS Minh Lương với lương thực nhận là 12.000.000 đồng/tháng.

Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Cho tôi được ly hôn với anh Trần Thanh T.

- Về con chung: Cho tôi được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thiên Tuấn, sinh ngày 08/11/2012 và cháu Trần Nhật Minh, sinh ngày 26/01/2016 cho đến khi cháu Trần Thiên Tuấn, cháu Trần Nhật Minh tròn 18 tuổi, tôi không yêu cầu anh Trần Thanh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên tôi không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về nợ chung.

Ngoài ra tôi không yêu cầu gì thêm.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Trần Thanh T theo quy định của pháp luật nhưng anh Trần Thanh T không hợp tác nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh Trần Thanh T.

* *Tại phiên tòa,* chị Ngô Thị Kim M vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày, yêu cầu nêu trên.

* *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng (nguyên đơn) trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Kim M; không xem xét về tài sản chung và nợ chung giữa chị Ngô Thị Kim M và anh Trần Thanh T do chị Ngô Thị Kim Miền không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Chị Ngô Thị Kim M và anh Trần Thanh T thiết lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào năm 2011. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên ngày 15/10/2024, chị Ngô Thị Kim M khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang yêu cầu được ly hôn với anh Trần Thanh T và yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung giữa chị Ngô Thị Kim M và anh Trần Thanh T. Anh Trần Thanh T có hộ khẩu thường trú và hiện nay vẫn cư trú, sinh sống tại ấp Tân Đ, xã G, huyện C, tỉnh K. Trong quá trình Tòa án giải quyết

vụ án, anh Trần Thanh T không có yêu cầu phản tố. Do đó, Tòa án xác định đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo các quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

1.2. Về việc vắng mặt anh Trần Thanh T tại phiên tòa: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tống đạt các văn bản tố tụng từ khi thụ lý vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 23/01/2025 cho anh Trần Thanh T theo quy định của pháp luật, anh Trần Thanh T vẫn vắng mặt phiên tòa không có lý do chính đáng, được sự thống nhất của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa và chị Ngô Thị Kim M, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Thanh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Kim M:

2.1. Về hôn nhân: Chị Ngô Thị Kim M và anh Trần Thanh T tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Giục Tượng, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang vào năm 2011 và đã được UBND xã Giục Tượng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 127 nên theo quy định tại các Điều 9, 11, 12, 13, 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô Thị Kim M và anh Trần Thanh T là hôn nhân hợp pháp. Do phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nên chị Ngô Thị Kim M yêu cầu được ly hôn với anh Trần Thanh T.

Xét rằng: Tuy anh Trần Thanh T không cung cấp bản tự khai cho Tòa án, nhưng theo các các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì anh Trần Thanh T có hộ khẩu thường trú và hiện nay vẫn cư trú, sinh sống tại ấp Tân Đ, xã G, huyện C, tỉnh K; chị Ngô Thị Kim M và anh Trần Thanh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Giục Tượng, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang vào năm 2011, có hai người con chung là cháu Trần Thiên Tuấn, sinh ngày 08/11/2012 và cháu Trần Nhật Minh, sinh ngày 26/01/2016 đang do chị Ngô Thị Kim M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; do mâu thuẫn kéo dài nên anh, chị đã ly thân với nhau hơn sáu tháng nay. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Trần Thanh T không hợp tác mặc dù Tòa án đã tạo điều kiện hòa giải giữa anh Trần Thanh T và chị Ngô Thị Kim M nhiều lần-chứng tỏ anh Trần Thanh T không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị Ngô Thị Kim M. Tại phiên tòa, chị Ngô Thị Kim M vẫn yêu cầu được ly hôn với anh Trần Thanh T. Qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị Ngô Thị Kim M và anh Trần Thanh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 85, khoản 1 Điều 89, Điều 91 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ngô Thị Kim M đối với anh Trần Thanh T.

2.2. Về con chung và người trực tiếp nuôi dưỡng con chung: Như đã nêu trên, chị Ngô Thị Kim M và anh Trần Thanh T có hai người con chung là cháu Trần Thiên Tuấn, sinh ngày 08/11/2012 và cháu Trần Nhật Minh, sinh ngày 26/01/2016.

Xét rằng: Căn cứ vào nguyện vọng của các cháu Trần Thiên Tuấn, Trần Nhật Minh vào ngày 14/11/2024 (BL 19, 20), quyền lợi về mọi mặt của hai cháu, nghề nghiệp và thu nhập của chị Ngô Thị Kim M (BL 35-37) và để ổn định tình cảm, tâm lý cho hai cháu, Tòa án chấp nhận cho chị Ngô Thị Kim M được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thiên Tuấn và cháu Trần Nhật Minh cho đến khi cháu Trần Thiên Tuấn, cháu Trần Nhật Minh tròn 18 tuổi.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị Ngô Thị Kim M không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

Người trực tiếp nuôi con phải tạo điều kiện để người không trực tiếp nuôi con được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trường hợp cần thiết, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của người con, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi quyền nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: Do chị Ngô Thị Kim M không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Kim M.

[3] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Chị Ngô Thị Kim M phải chịu số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà chị Ngô Thị Kim M phải chịu vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Ngô Thị Kim M đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005822, ngày 17/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị Ngô Thị Kim M không phải nộp thêm tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Trần Thanh T không phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 9, 11, 12, 13, 14, 85, khoản 1 Điều 89, các Điều 91, 92, 93 và 94 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5

Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Xử:

1- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Ngô Thị Kim M và anh Trần Thanh T.

2- Về con chung: Cho chị Ngô Thị Kim M được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thiên Tuấn, sinh ngày 08/11/2012 và cháu Trần Nhật Minh, sinh ngày 26/01/2016 cho đến khi cháu Trần Thiên Tuấn, cháu Trần Nhật Minh tròn 18 tuổi; Anh Trần Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Do chị Ngô Thị Kim M không yêu cầu Tòa án xem xét nên Tòa án không xem xét.

4- Về án phí:

4.1- Chị Ngô Thị Kim M phải chịu số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Khấu trừ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm mà chị Ngô Thị Kim M phải chịu vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Ngô Thị Kim M đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005822, ngày 17/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, chị Ngô Thị Kim M không phải nộp thêm tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

4.2- Anh Trần Thanh T không phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5- Về quyền kháng cáo: Chị Ngô Thị Kim M có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án (21/02/2025); Anh Trần Thanh T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được niêm yết, tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
-Chi cục THADS huyện Châu Thành, KG (khi án có hlpl);
-UBND xã Giục Tượng,h Châu Thành,tỉnh Kiên Giang (khi án có hlpl);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thu Hương